HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

APTOMAT Wi-Fi THÔNG MINH
TÍCH HỢP CÔNG TƠ ĐIỆN
Cài đặt bảo vệ quá dòng: 10-63 A | V.V.T LIGHTING



Thông số theo tài liệu kèm sản phẩm
Điện áp làm việc: AC 220 V; 50/60 Hz.
Dải điện áp ghi trong tài liệu: AC 80-300 V.
Tài liệu gốc ghi dải quá dòng 0,1-63 A; dải 10-63 A ở tiêu đề theo thông tin V.V.T cung cấp.
Cấp bảo vệ: IP20; sử dụng nơi khô ráo.

Nút điều khiển: SCT (tài liệu gọi SET), ▲, WIFI/▼ và nút nguồn. Chưa có hướng dẫn đầy đủ cho nút nguồn và thao tác ghép nối trên hai trang tài liệu.

1. CÀI ĐẶT TRÊN THIẾT BỊ

Nhấn nút cài đặt SCT/SET để vào menu; nhấn tiếp để chuyển thông số. Nhấn ▲ hoặc ▼ để tăng/giảm giá trị; giữ nút để thay đổi nhanh. OFF nghĩa là tắt chức năng tương ứng. Tài liệu chưa xác định cách lưu/thoát menu; cần kiểm tra trên mẫu thực tế.

Mã	Chức năng	Phạm vi	Mặc định
Uo	Ngưỡng quá áp	230-300 V	270 V
UL	Ngưỡng thấp áp	110-210 V	170 V
ULt	Trễ bảo vệ quá áp	1-30 giây / OFF	OFF
Io	Ngưỡng quá dòng	0,1-63 A	63 A
Ir*	Ngưỡng dòng rò	10-100 mA / OFF	10 mA
IrE*	Hiệu chỉnh dòng rò	-20 đến +20 mA	0 mA
Ioc	Số lần giới hạn quá dòng (theo tài liệu)	1-20 / OFF	OFF
Iot	Trễ bảo vệ quá dòng	1-30 giây / OFF	OFF
Irt	Trễ cấp điện/khôi phục	1-400 giây	5 giây
Clr	Chức năng chưa rõ; ghi “Cleanliness”	1-30000 / OFF	OFF

Chưa chỉnh Clr hoặc Ioc khi chưa được nhà cung cấp xác nhận ý nghĩa và cách hoạt động.

2. KẾT NỐI WI-FI

Mở ứng dụng của sản phẩm → Thêm thiết bị → đưa thiết bị vào chế độ ghép nối → chọn thiết bị tìm thấy → chọn Wi-Fi và nhập mật khẩu → Tiếp theo → Hoàn tất. Hai trang tài liệu chưa ghi tên ứng dụng hoặc cách kích hoạt ghép nối; cần đối chiếu QR trên hộp và hướng dẫn đúng model.

3. LƯU Ý SỬ DỤNG

***Dòng rò:** Các mục Ir/IrE được chép từ tài liệu, chưa xác nhận hoạt động trên mẫu đã thử. Không coi sản phẩm là thiết bị chống rò hoặc dùng thay RCCB/RCBO khi chưa được kiểm chứng.

Ngắt nguồn trước khi lắp đặt hoặc bảo trì. Việc đấu dây phải do người có chuyên môn thực hiện theo sơ đồ đúng của thiết bị. Không chạm đầu nối đang có điện; tránh nước. Hai ảnh tài liệu chưa có sơ đồ đấu dây, nên bản này không hướng dẫn vị trí cọc vào/ra.

MINH HỌA SỬ DỤNG TRÊN ĐIỆN THOẠI

V.V.T LIGHTING | Màn hình thực tế do khách hàng cung cấp



ĐIỆN NĂNG - kWh
Chỉ số 1434: điện năng tích lũy đang hiển thị. "Một số điện" tương đương 1 kWh; không phải công suất tức thời.

BIỂU ĐỒ THEO GIỜ
Ảnh đang chọn khung 10:00-11:00, hiển thị 0,00 kWh. Đây là lượng điện ghi nhận cho khung giờ được chọn.

DÒNG ĐIỆN - Current (A)
0,580 A: dòng điện tại thời điểm chụp.

CÔNG SUẤT - Active Power (kW)
0,067 kW = 67 W: công suất tác dụng tại thời điểm chụp.

ĐIỆN ÁP - Voltage (V)
223,4 V: điện áp tại thời điểm chụp.

On - BẬT/TẮT
Nút nguồn đang hiển thị On (bật). Dùng nút nguồn để điều khiển cấp/ngắt điện; cần kiểm tra trạng thái phản hồi sau thao tác.

Power Statistics - THỐNG KÊ
Mục xem dữ liệu tiêu thụ điện. Khoảng thời gian và dữ liệu có sẵn tùy phiên bản ứng dụng.

Schedule - HẸN GIỜ
Mục đặt lịch bật/tắt. Khi mở mục này, chọn thời điểm và thao tác theo các lựa chọn thực tế trên ứng dụng.

Setting - CÀI ĐẶT
Mục thông số thiết bị. Kiểm tra đơn vị, ngưỡng và thời gian trễ trước khi thay đổi; không tự suy đoán ý nghĩa mục chưa rõ.

Lưu ý: Số liệu trong ảnh là một thời điểm sử dụng, không phải thông số định mức. Ba số phía dưới (0,00; 0; 27,0) không có nhãn rõ trong ảnh nên chưa chú thích. Màn hình hiển thị không chứng minh chức năng bảo vệ dòng rò hoạt động.